

NGHIÊN CỨU SỰ TĂNG TRƯỞNG THỂ CHẤT TRONG 6 THÁNG ĐẦU CỦA TRẺ SƠ SINH NHẹ CÂN



Người thực hiện: Ths.bs. Hoàng Thị Hương
Bệnh viện Từ Dũ

Nội dung trình bày

1

ĐẶT VẤN ĐỀ

2

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

3

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

5

KẾT LUẬN

Phần I. Đặt vấn đề

- ❖ Trẻ sơ sinh cân nặng thấp là trẻ có cân nặng lúc sinh nhỏ hơn 2500 gram theo định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)
- ❖ Theo thống kê của WHO năm 2004, tỷ lệ trẻ sơ sinh cân nặng thấp toàn cầu là 15,5%, tương ứng khoảng 20,6 triệu trẻ đẻ mỗi năm bị thiếu cân, trong đó 96,5% là những trẻ sinh ra ở các nước đang phát triển.

Đặt vấn đề

- ❖ Thuật ngữ tăng trưởng biểu hiện sự tăng về số lượng và kích thước của tế bào dẫn đến sự thay đổi kích thước của từng bộ phận và của cơ thể.
- ❖ Quá trình tăng trưởng diễn ra một cách liên tục từ khi trứng được thụ thai đến khi trưởng thành. Quá trình này diễn biến theo những giai đoạn khác nhau, có giai đoạn tăng trưởng nhanh, có giai đoạn tăng trưởng chậm

Đặt vấn đề

- ❖ Giai đoạn 6 tháng đầu đời là giai đoạn quan trọng trong sự phát triển của trẻ, và đây là giai đoạn phát triển nhanh nhất của trẻ.
- ❖ Bên cạnh đó sự tăng trưởng trong giai đoạn này có ảnh hưởng lâu dài ở giai đoạn trưởng thành.
- ❖ Yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng trong giai đoạn này như: chế độ dinh dưỡng, bệnh tật, hình thái phát triển trong tử cung, phân loại tuổi thai.

Đặt vấn đề

Nghiên cứu của Archana Dayal Arya năm 2006 chỉ ra rằng, sau khi sinh:

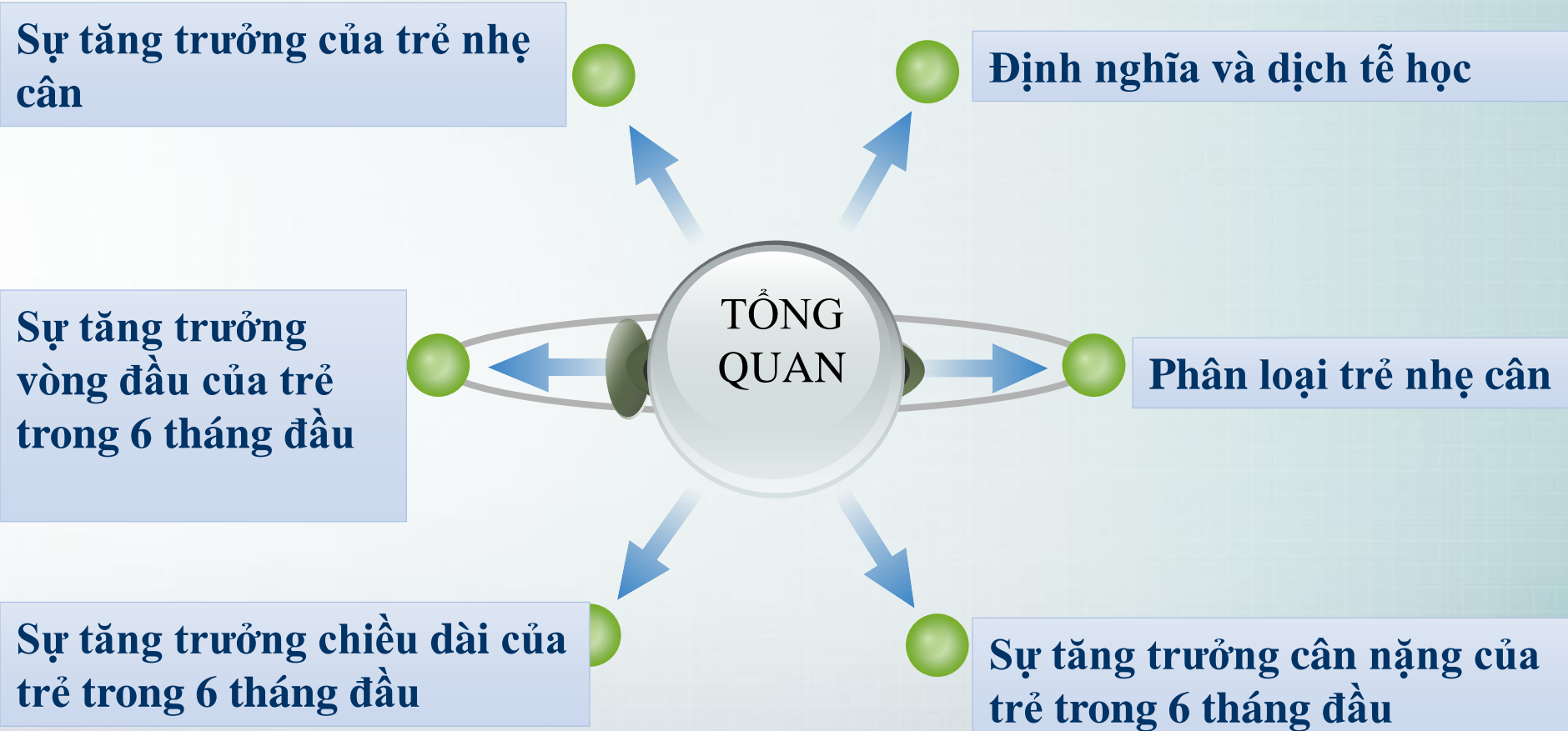
Hầu hết trẻ nhỏ hơn so với tuổi thai sẽ bắt kịp tốc độ tăng trưởng tốt và bình thường chiều cao và cân nặng của mình.

Tuy nhiên có 10% trẻ không bắt kịp tốc độ tăng trưởng.

Đặt vấn đề



Phần II. Tổng quan tài liệu



Phần III. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng

60 trẻ sơ sinh nhẹ cân

Địa điểm

Khoa Phụ Sản và đơn vị Nhi Sơ Sinh Bệnh viện Đại học Y Dược Huế và tại từng hộ gia đình

Thời gian

30/03/2016 đến 30/02/2019

Đối tượng nghiên cứu

TIÊU CHUẨN CHỌN BỆNH

- Trẻ sơ sinh cân nặng thấp (<2500 gram)

TIÊU CHUẨN LOẠI TRỪ

- Trẻ mắc các bệnh bẩm sinh
- Bà mẹ không hợp tác

Phương pháp nghiên cứu

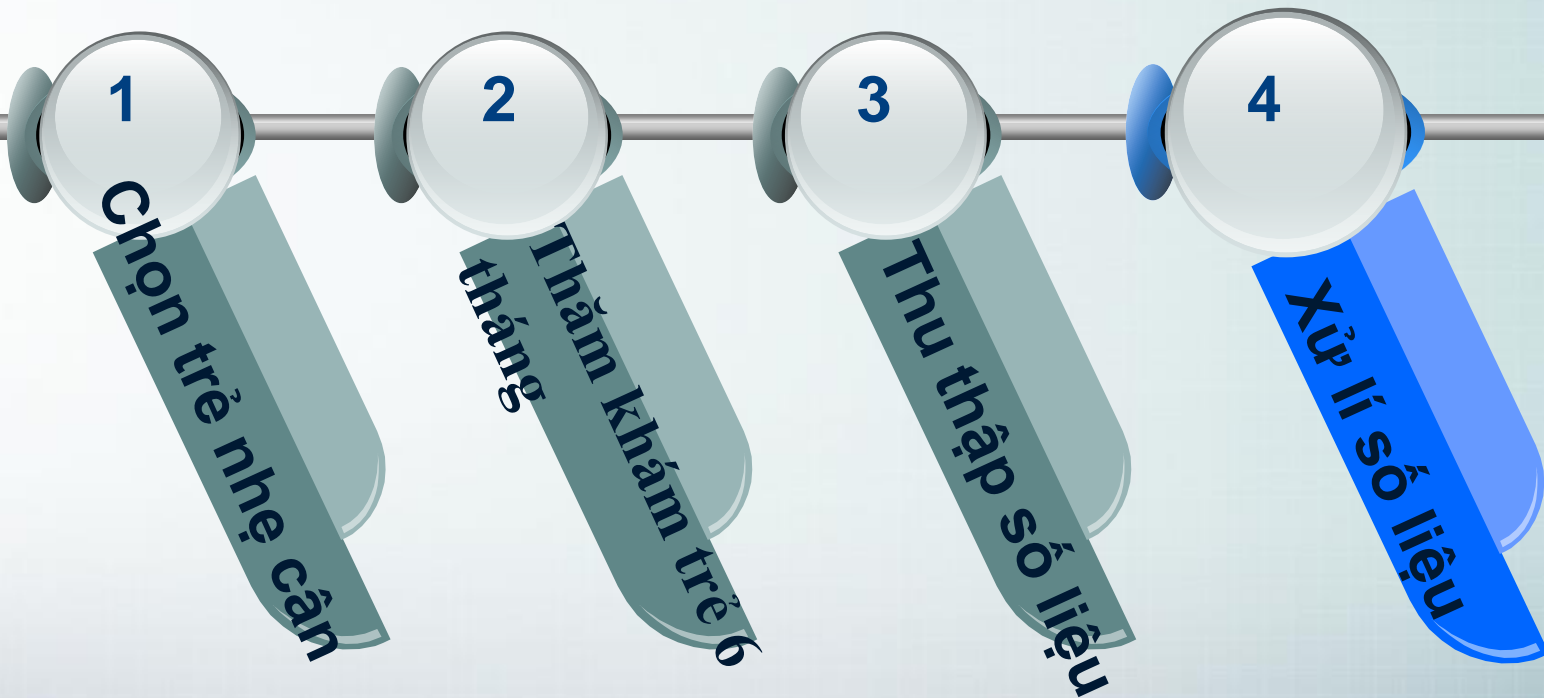
Thiết kế nghiên cứu

phương pháp theo dõi dọc hàng tháng trong 6 tháng (từ lúc trẻ sinh ra đến 6 tháng sau sinh)

Phương pháp chọn mẫu

Chọn cỡ mẫu thuận tiện

Phương pháp nghiên cứu



Kết quả và bàn luận

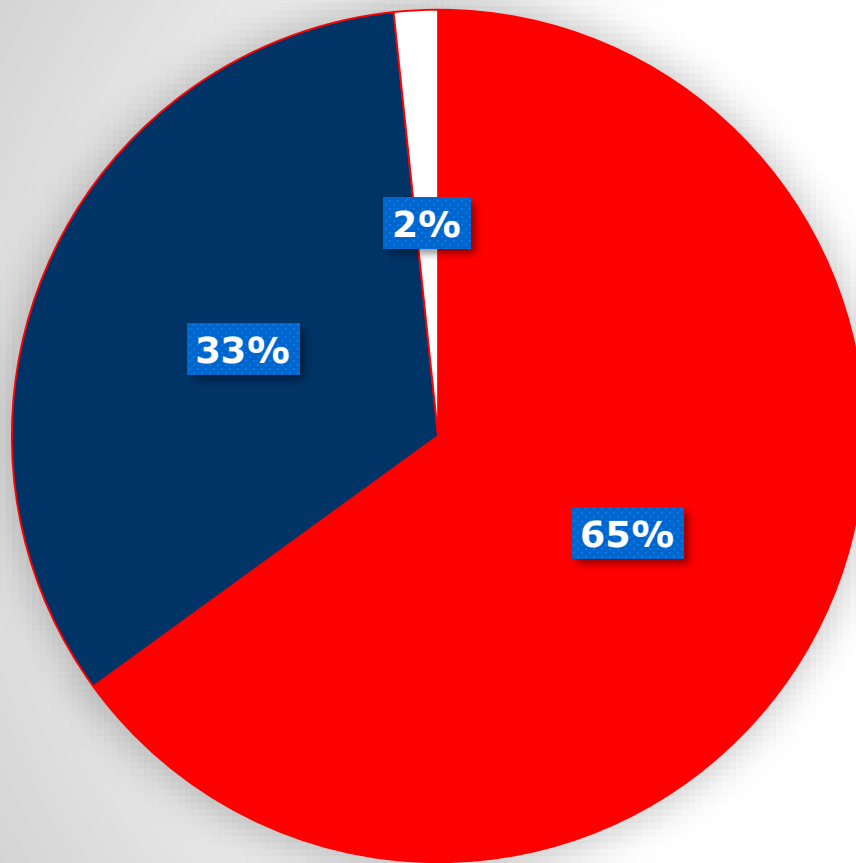
Đặc điểm chung và đặc điểm tăng trưởng cân nặng, chiều dài, vòng đầu của trẻ nhẹ cân trong 6 tháng đầu.

Đặc điểm chung của trẻ

Bộ môn Nhi – ĐHY Dược Huế

Đặc điểm	Số lượng	n	%
Giới	Nam	34	56,7
	Nữ	26	43,3
Số lượng thai	Đơn thai	47	78,3
	Đa thai	13	21,7
Tuổi thai	Đẻ non	40	66,7
	Đủ tháng	20	33,3
	Già tháng	0	0
	$\bar{X} \pm SD$	35,43 \pm 2,35	
	(tuần)		
Chậm phát triển trong tử cung	Có	24	40
	Không	36	60

Đặc điểm về các chế độ dinh dưỡng của trẻ trong 6 tháng đầu



- Bú sữa mẹ hoàn toàn
- Bú sữa mẹ kết hợp sữa công thức và ăn bổ sung sớm
- Bú sữa công thức hoàn toàn

Cân nặng trung bình từng tháng của trẻ nam và trẻ nữ trong 6 tháng đầu

Phân loại Thời điểm	Cân nặng ($\bar{X} \pm SD$) (kg)		p
	Nam	Nữ	
T0	2,17 \pm 0,24	1,97 \pm 0,37	< 0,05
T1	3,06 \pm 0,33	2,70 \pm 0,39	< 0,05
T2	3,96 \pm 0,39	3,53 \pm 0,45	< 0,05
T3	4,77 \pm 0,39	4,36 \pm 0,55	< 0,05
T4	5,65 \pm 0,42	5,12 \pm 0,56	< 0,05
T5	6,35 \pm 0,44	5,80 \pm 0,59	< 0,05
T6	7,01 \pm 0,48	6,58 \pm 0,50	< 0,05

Tăng trưởng cân nặng qua từng tháng của trẻ nam và trẻ nữ

Phân loại Tháng tuổi	Tốc độ tăng trưởng cân nặng (kg/tháng)		p
	Nam	Nữ	
1	$0,88 \pm 0,16$	$0,73 \pm 0,15$	$< 0,05$
2	$0,90 \pm 0,14$	$0,83 \pm 0,19$	$> 0,05$
3	$0,80 \pm 0,20$	$0,82 \pm 0,16$	$> 0,05$
4	$0,87 \pm 0,25$	$0,75 \pm 0,17$	$< 0,05$
5	$0,70 \pm 0,15$	$0,68 \pm 0,13$	$> 0,05$
6	$0,65 \pm 0,15$	$0,77 \pm 0,21$	$< 0,05$

Tăng cân tích lũy của trẻ nam và trẻ nữ trong 3 tháng đầu, 3 tháng sau và sau 6 tháng

Thời điểm	Phân loại	Tăng cân nặng tích lũy (kg)		p
		Nam	Nữ	
3 tháng đầu		$2,59 \pm 0,29$	$2,39 \pm 0,39$	$> 0,05$
3 tháng sau		$2,24 \pm 0,33$	$2,21 \pm 0,30$	$> 0,05$
6 tháng		$4,83 \pm 0,38$	$4,60 \pm 0,47$	$> 0,05$

Chiều dài trung bình của trẻ nam và trẻ nữ trong 6 tháng đầu

Thời điểm	Phân loại	Chiều dài ($\bar{X} \pm SD$) (cm)		p
		Nam	Nữ	
T0		45,80 \pm 2,76	43,82 \pm 2,63	< 0,05
T1		49,54 \pm 2,53	47,38 \pm 2,54	< 0,05
T2		53,09 \pm 2,37	51,12 \pm 2,37	< 0,05
T3		56,42 \pm 2,53	54,20 \pm 2,25	< 0,05
T4		59,34 \pm 2,54	57,13 \pm 2,19	< 0,05
T5		62,25 \pm 2,59	59,90 \pm 2,24	< 0,05
T6		65,06 \pm 2,82	62,93 \pm 2,33	< 0,05

Tốc độ tăng trưởng chiều dài qua từng tháng của trẻ trai và trẻ gái

Tháng tuổi	Giới	Tốc độ tăng trưởng chiều dài (cm/tháng)		p
		Nam	Nữ	
1		$3,74 \pm 0,80$	$3,55 \pm 0,77$	$> 0,05$
2		$3,54 \pm 0,75$	$3,74 \pm 0,98$	$> 0,05$
3		$3,33 \pm 0,63$	$3,07 \pm 0,74$	$> 0,05$
4		$2,91 \pm 0,67$	$2,93 \pm 0,55$	$> 0,05$
5		$2,91 \pm 0,56$	$2,76 \pm 0,79$	$> 0,05$
6		$2,80 \pm 0,77$	$3,03 \pm 0,84$	$> 0,05$

Tăng chiều dài tích lũy của trẻ nam và trẻ nữ trong 6 tháng đầu

Thời điểm	Giới	Tăng chiều dài tích lũy (cm)		p
		Nam	Nữ	
3 tháng đầu		$10,62 \pm 1,22$	$10,37 \pm 1,60$	$> 0,05$
3 tháng sau		$8,63 \pm 1,24$	$8,73 \pm 1,26$	$> 0,05$
6 tháng		$19,26 \pm 1,81$	$19,11 \pm 2,55$	$> 0,05$

Vòng đầu trung bình của trẻ nam và trẻ nữ

Phân loại Thời điểm	Vòng đầu ($\bar{X} \pm SD$) (cm)		p
	Nam	Nữ	
T0	30,70 \pm 1,83	30,60 \pm 3,02	> 0,05
T1	33,48 \pm 1,49	33,47 \pm 3,16	> 0,05
T2	36,23 \pm 1,42	36,24 \pm 3,12	> 0,05
T3	38,47 \pm 1,22	38,27 \pm 3,27	> 0,05
T4	40,12 \pm 1,16	40,10 \pm 3,43	> 0,05
T5	41,52 \pm 1,17	41,42 \pm 3,66	> 0,05
T6	42,91 \pm 1,13	42,77 \pm 3,89	> 0,05

Tốc độ tăng trưởng vòng đầu qua từng tháng

Tháng	Phân loại	Tốc độ tăng trưởng vòng đầu (cm/tháng)		p
		Nam	Nữ	
1		$2,77 \pm 0,68$	$2,86 \pm 0,75$	$> 0,05$
2		$2,75 \pm 0,71$	$2,76 \pm 0,70$	$> 0,05$
3		$2,23 \pm 0,70$	$2,03 \pm 0,60$	$> 0,05$
4		$1,65 \pm 0,52$	$1,82 \pm 0,58$	$> 0,05$
5		$1,40 \pm 0,50$	$1,33 \pm 0,46$	$> 0,05$
6		$1,38 \pm 0,47$	$1,33 \pm 0,39$	$> 0,05$

Tăng vòng đầu tích lũy của trẻ nam và trẻ nữ

Thời điểm	Giới	Tăng vòng đầu tích lũy (cm)		p
		Nam	Nữ	
3 tháng đầu		$7,76 \pm 1,26$	$7,67 \pm 1,48$	$> 0,05$
3 tháng sau		$4,44 \pm 0,92$	$4,49 \pm 1,10$	$> 0,05$
6 tháng		$12,20 \pm 1,60$	$12,16 \pm 2,37$	$> 0,05$

Giá trị Z-score và sự bắt kịp tốc độ tăng trưởng .

Tháng tuổi	Z cân nặng theo tháng tuổi	Z chiều dài theo tháng tuổi	Z vòng đầu theo tháng tuổi
0	-2,96	-2,45	-3
1	-2,90	-2,90	-3
2	-2,79	-2,78	-2,16
3	-2,37	-2,54	-1,48
4	-1,74	-2,2	-1,01
5	-1,49	-1,7	-0,62
6	-1,02	-1,2	-0,2

Giá trị Z-score trung bình của trẻ nhẹ cân trong 6 tháng tuổi.

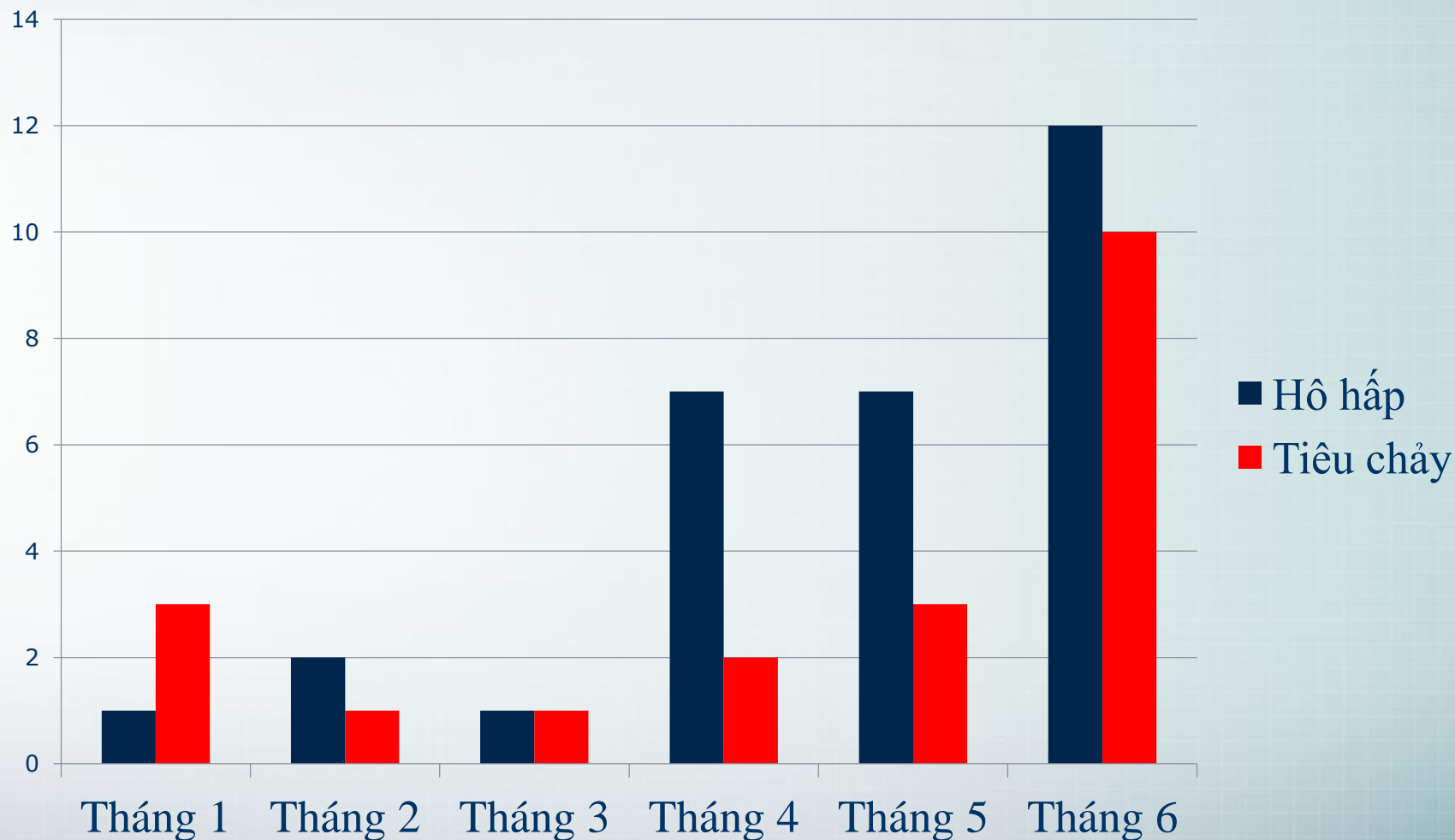
Tháng tuổi	Z – score cân nặng theo tháng tuổi		Z – score chiều dài theo tháng tuổi		Z – score vòng đầu theo tháng tuổi	
	< -2SD	≥- 2SD	<-2SD	≥- 2SD	<-2SD	≥-2SD
3 tháng	38 (63.3%)	22 (26.7%)	41 (68.3%)	19 (31.7%)	18 (30%)	42 (60%)
6 tháng	4 (6.7%)	56 (94.3%)	18 (30%)	42 (60%)	1 (1.67%)	59 (98.3%)

CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA TRẺ TRONG 6 THÁNG ĐẦU

Chỉ số Zscore từng tháng của trẻ bú mẹ hoàn toàn và bú mẹ không hoàn toàn

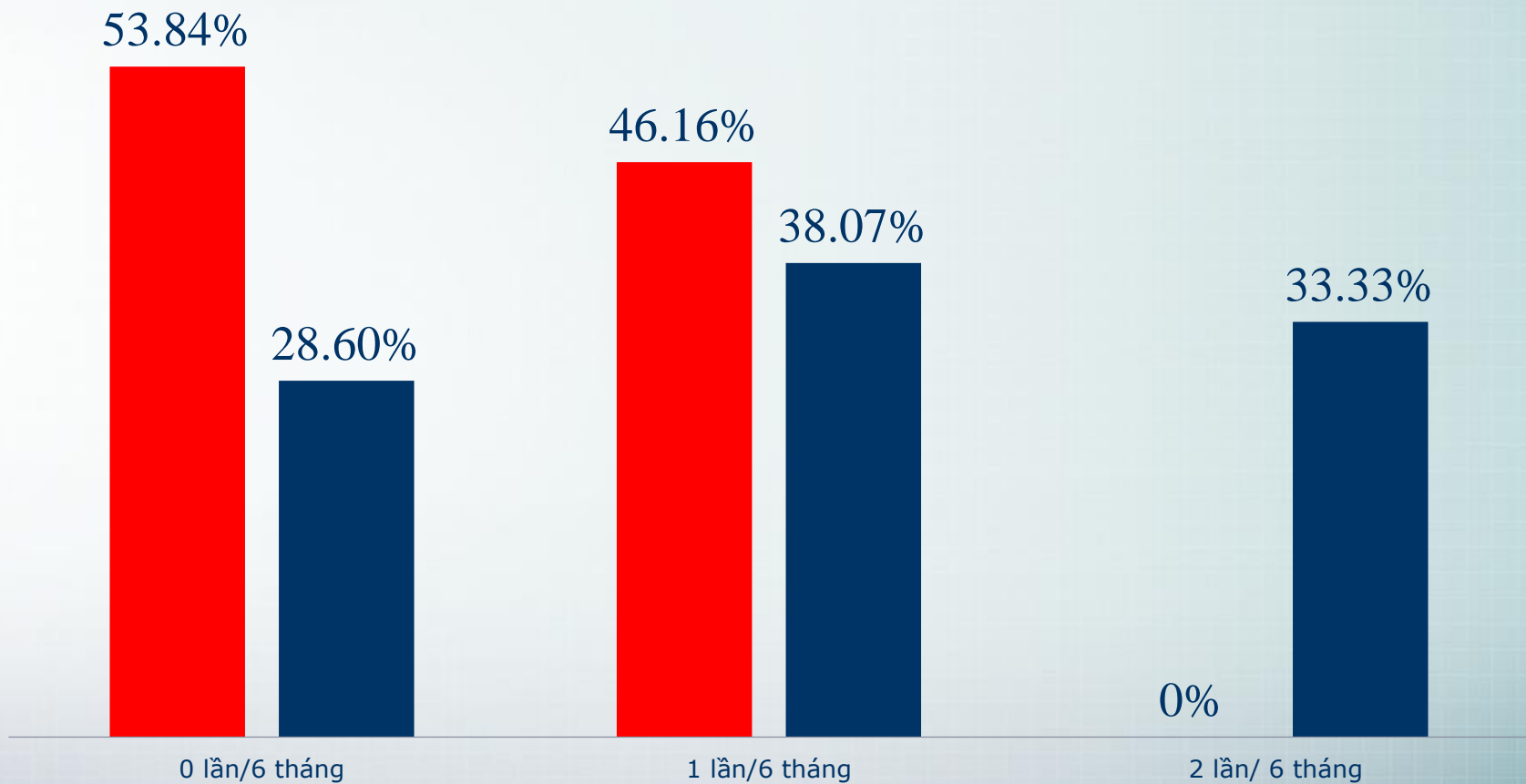
Tháng tuổi	Z cân nặng theo tháng tuổi		Z chiều dài theo tháng tuổi		Z vòng đầu theo tháng tuổi	
	Bú mẹ hoàn toàn		Bú mẹ hoàn toàn		Bú mẹ hoàn toàn	
	Có	Không	Có	Không	Có	Không
0	-2,61	-3,60	-2,19	-2,94	-2,71	-3,54
1	-2,64	-3,38	-2,69	-3,30	-2,89	-3,56
2	-2,59	-3,14	-2,67	-2,97	-2,26	-2,46
3	-2,23	-2,62	-2,47	-2,66	-1,51	-1,78
4	-1,58	-2,03	-2,19	-2,31	-1,10	-1,05
5	-1,37	-1,70	-1,80	-1,73	-0,76	-0,58
6	-0,99	-1,08	-1,30	-1,03	-0,30	-0,33
Δ Zscore	1,62	2,52	0,89	1,91	2,45	3,21

Tần suất mắc bệnh tiêu chảy của trẻ bú mẹ hoàn toàn và không bú mẹ hoàn toàn

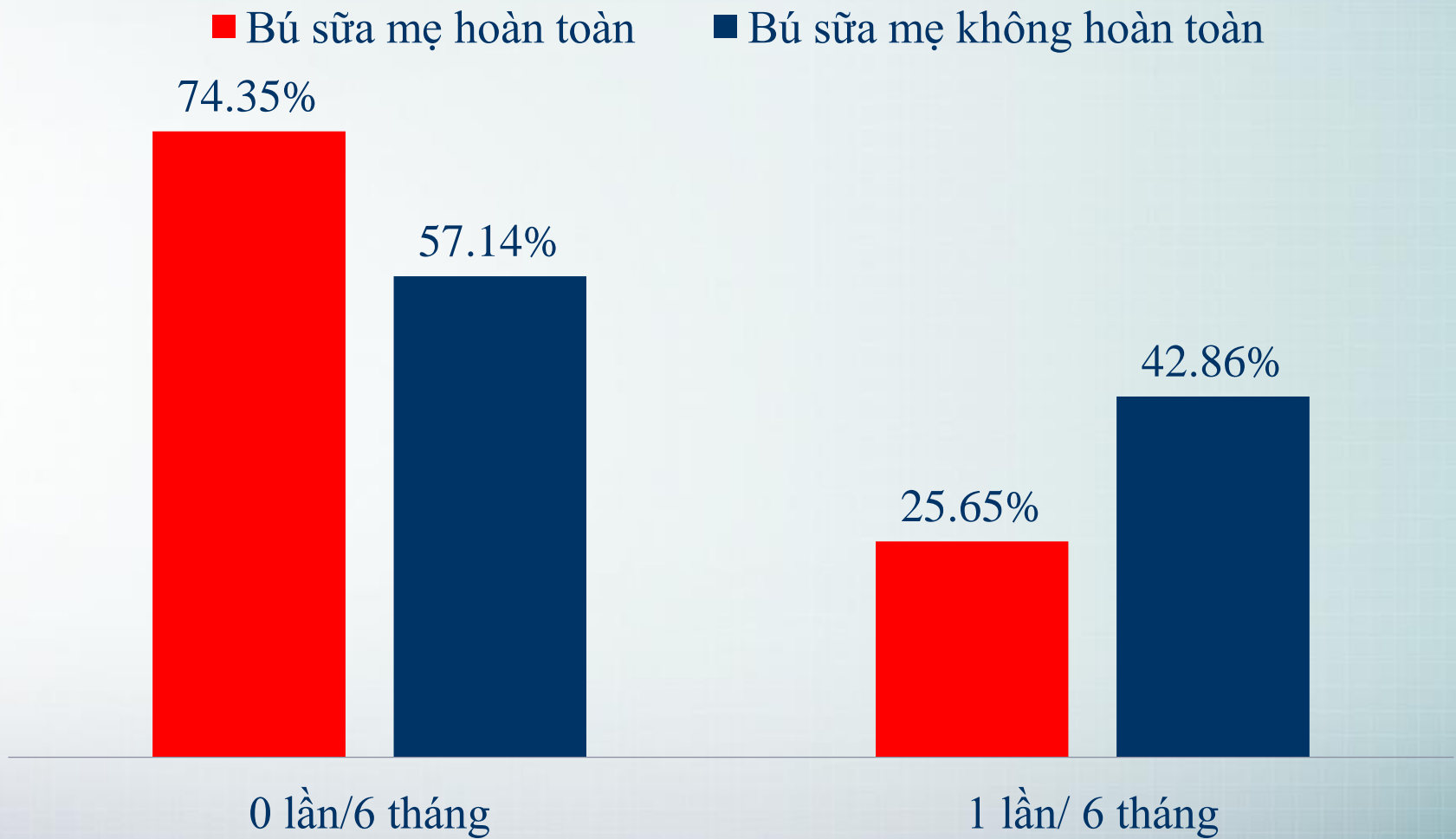


Tần suất mắc bệnh hô hấp của trẻ bú mẹ hoàn toàn và không bú mẹ hoàn toàn

■ Bú sữa mẹ hoàn toàn ■ Bú sữa mẹ không hoàn toàn



Tần suất mắc bệnh tiêu chảy của trẻ bú mẹ hoàn toàn và không bú mẹ hoàn toàn

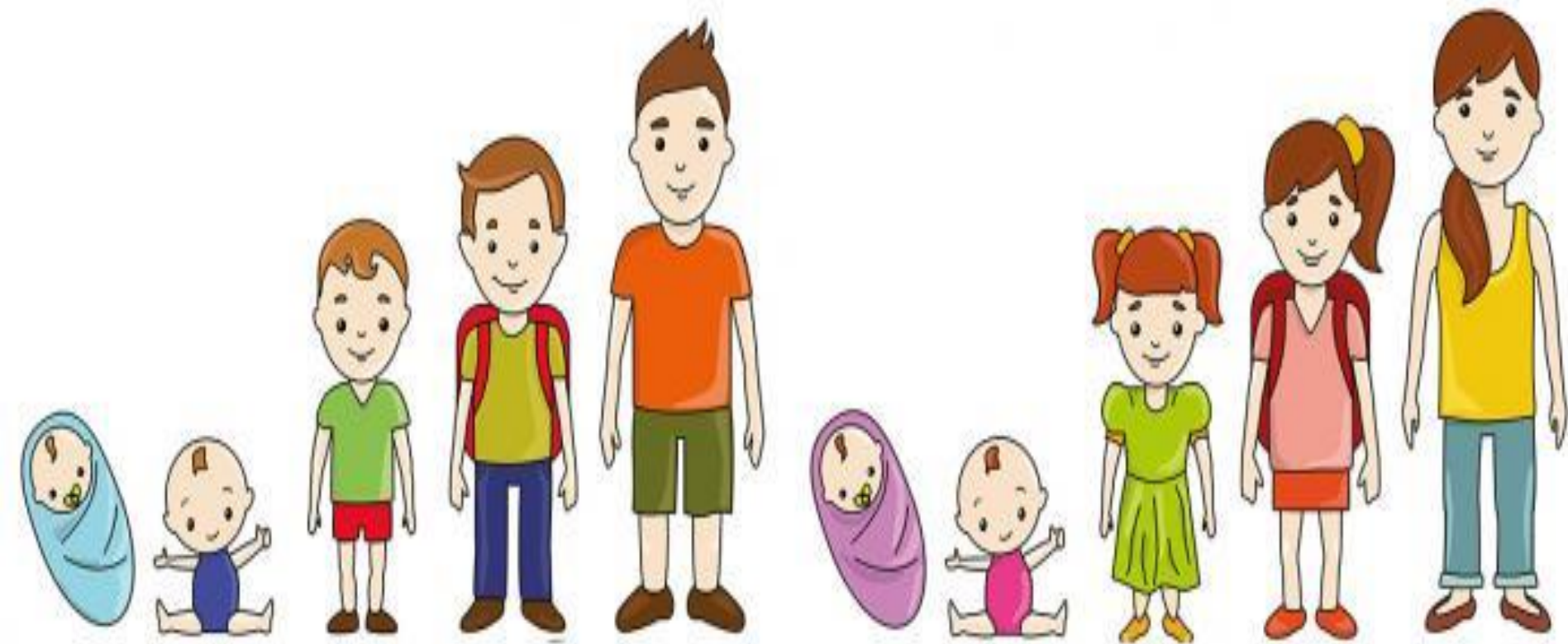


Kết luận

- Cân nặng, chiều dài, vòng đầu trung bình từng tháng của trẻ nam luôn cao hơn trẻ nữ. Tốc độ tăng trưởng của trẻ nam nhanh hơn trẻ nữ.
- 3 tháng đầu tốc độ tăng trưởng nhanh hơn 3 tháng sau ở cả 2 giới.
- Sau 6 tháng trẻ nhẹ cân đều bắt kịp tốc độ tăng trưởng theo biểu đồ tăng trưởng chuẩn của WHO(-2SD tới + 2SD)

Kết luận

- Bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đảm bảo cho sự bắt kịp tốc độ tăng trưởng của trẻ nhẹ cân
- Nhóm trẻ không bú mẹ hoàn toàn tăng trưởng nhanh hơn nhóm trẻ bú mẹ hoàn toàn cả 3 chỉ số cân nặng, chiều dài, vòng đầu, tuy nhiên nhóm bú sữa mẹ không hoàn toàn tốc độ tăng trưởng có xu hướng vượt qua khoảng $-2SD - 2SD$.
- Tăng trưởng cân nặng, chiều dài, vòng đầu của nhóm trẻ bị bệnh đường hô hấp trên và bị tiêu chảy trên thấp hơn nhóm không bị bệnh đường hô hấp, không bị tiêu chảy.



Cảm ơn thầy cô và quý vị đã lắng nghe!